

Bản án số: 06/ 2018/ HNGĐ-ST.

Ngày: 18/ 6/ 2018.

“V/v: Ly hôn
tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh;

2. Bà Vi Thị Ty.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen là Thư ký Tòa án nhân dân huyện KBang, tỉnh Gia Lai

Trong ngày 18/ 6/ 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KBang, Tòa án nhân dân huyện KBang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 01/3/2018 về: **“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐST- HNGĐ ngày 30/05/2018. Giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1991;

- **Bị đơn:** Anh Phạm Thái H, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố a, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Hai đương sự đều có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Thái H qua thời gian quen biết tìm hiểu khoảng 3 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân. Anh, chị tự nguyện đến Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25/ 9/ 2009. Có tiến hành tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, vợ chồng chị ra thuê nhà ở riêng từ đó cho đến nay.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, chỉ phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt gia đình, nhưng từ khoảng giữa năm 2016 cho đến nay thì mâu thuẫn trầm trọng hơn và không tự hòa giải được. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, không có sự tin tưởng và đùm bọc yêu thương nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, thỉnh thoảng chị bị anh H đánh, không gây thương tích nặng, nhưng vẫn khiến cho cuộc sống hôn nhân vợ chồng căng thẳng. Năm 2017, chị đã xin ly hôn với anh H, được Tòa án khuyên giải vợ chồng đoàn tụ gia đình được gần một năm, nhưng cả vợ và chồng đều không thay đổi được cách sống, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị xét thấy vợ chồng không còn yêu thương nhau, không thể tiếp tục

duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thái H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Phạm Đỗ Thảo V, sinh ngày 08/ 3/ 2011. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con V cho đến khi con trưởng T, có khả năng lao động. Hiện chị đang có việc làm ổn định, nên chị có đầy đủ điều kiện để nuôi dạy con tốt cả về vật chất lẫn tinh thần. Để nhằm mục đích nhắc nhở anh H luôn nghĩ về con, trách nhiệm với con chung hơn, nên chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, với mức là 700.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2018 cho đến khi con trưởng T, có khả năng lao động. Việc anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chỉ nhằm mục đích níu kéo tình cảm để vợ chồng đoàn tụ chứ thực tế do công việc của anh H thì anh không thể hằng ngày trực tiếp chăm sóc con chu đáo được.

Tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh H và vẫn có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Vy cho đến khi con trưởng T, có khả năng lao động; Chị T vẫn yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 700.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2018 cho đến khi con trưởng T, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thái H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị T quen biết tìm hiểu một thời gian khoảng 3 năm thì tự nguyện đi đến hôn nhân. Vào ngày 25/ 9/ 2009 anh, chị tự nguyện đến Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tiến hành tổ chức lễ cưới hỏi tại hai bên gia đình.

Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình, nguyên nhân chính xuất phát từ phía chị T, do chị không biết tiết kiệm trong chi tiêu trong gia đình, nhưng vợ chồng chưa phải nợ ai. Mỗi lần nhắc đến kinh tế và việc nuôi dạy con thì vợ chồng lại cãi vã nhau, sau đó lại lo làm ăn, chứ không đến mức trầm trọng như chị T trình bày. Nay anh vẫn còn tình cảm thương yêu chị T và anh không muốn con chung phải xa cha hoặc xa mẹ khi vợ chồng ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn với chị T. Anh đề Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh được về đoàn tụ gia đình để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Phạm Đỗ Thảo V, sinh ngày 08/ 3/ 2011. Anh H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con V cho đến khi con trưởng T, có khả năng lao động. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp (đều là bản sao), Gồm: 01 Trích lục Giấy Kết hôn mang tên Đỗ Thị T - Phạm Thái H; 01 Giấy khai sinh mang tên

Phạm Đỗ Thảo V, sinh ngày 08/3/2011; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị T; 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Phạm Thái H.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Thái H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 25/ 9/ 2009. Anh, chị có 01 con chung tên Phạm Đỗ Thảo V, sinh ngày 08/3/2011. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị T giao nộp là Trích lục Giấy Kết hôn mang tên Đỗ Thị T - Phạm Thái H và 01 Bản sao Giấy khai sinh mang tên Phạm Đỗ Thảo V, sinh ngày 08/ 3/ 2011.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án Hôn nhân & Gia đình giữa chị và anh Phạm Thái H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Thái H tự nguyện tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 25/ 9/ 2009, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và kéo dài. Chị T và anh H đều trình bày nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do anh chị không hợp tính tình nhau, không có sự đồng cảm với nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã qua lại, anh chị đã từng nộp đơn xin ly hôn, nhưng sau đó đã về đoàn tụ. Theo chị T trình bày, trong thời gian vợ chồng đoàn tụ thì cả vợ và chồng đều không cải thiện được suy nghĩ và cách sống, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên chị tiếp tục xin được ly hôn, còn anh H thì cho rằng vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình, cãi vã qua lại rồi lại lo làm ăn, chứ không đến mức trầm trọng. Nay vì con nên anh xin được đoàn tụ gia đình.

Hôn nhân của anh H và chị T, mặc dù thời gian chung sống với nhau không dài, nhưng anh, chị đã có lần nộp đơn xin ly hôn, đã được khuyên giải nhưng anh chị vẫn không cải thiện được cuộc sống vợ chồng để mang lại hạnh phúc cho nhau mà thường xuyên để xảy ra cãi vã. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã khuyên giải vợ chồng về đoàn tụ gia đình, nhưng anh chị không có thiện chí, không cùng nhìn nhận những sai sót của bản thân nên việc hòa giải đoàn tụ không đạt kết quả. Chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn, còn anh H xin đoàn tụ gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình đã không đạt được, nên HĐXX căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Phạm Thái H.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Đỗ Thảo V, sinh ngày 08/ 3/ 2011. Sau khi ly hôn chị T và anh H đều có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con V cho đến khi con trưởng T, có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số mức là 700.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2018 cho đến

khi con trưởng T, có khả năng lao động; Anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về khả năng và điều kiện của người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, thì thấy rằng: Anh H và chị T đều có điều kiện về mọi mặt, đảm bảo cho việc nuôi dạy con. Song cũng cần xem xét thêm, đối với cháu Vy là con gái, hiện còn nhỏ tuổi nên khi tiến hành lấy nguyện vọng của cháu về giao cho người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, thì cháu V đã không tự xác định được ai sẽ nuôi dưỡng cháu tốt hơn, nên lúc thì cháu xin được mẹ nuôi dưỡng, lúc thì cháu xin được bố nuôi dưỡng. Về điều kiện thời gian và để đảm bảo cho cháu thường xuyên và hằng ngày được gần gũi, chăm sóc được tốt hơn thì HĐXX xét cần giao cháu Phạm Đỗ Thảo V cho chị Đỗ Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, HĐXX xét cần chấp nhận theo yêu cầu của chị T để anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Đỗ Thảo V, theo phương thức cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 700.000 đồng, kể từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu V trưởng T, có khả năng lao động, là đúng pháp luật và phù hợp với điều kiện và khả năng của anh H.

Về tài sản chung: Anh H và chị T đã tự thỏa thuận giải quyết nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét giải quyết đến phần anh, chị không yêu cầu.

Về nợ chung: Anh H và chị T xác nhận không nợ chung ai và không cho ai nợ, nên HĐXX không xem xét giải quyết đến phần anh, chị không yêu cầu.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T phải chịu theo quy định là 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn Phạm Thái H phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 144, 147, 227, 228, 238, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị T. Xử cho nguyên đơn chị Đỗ Thị T được ly hôn với bị đơn Phạm Thái H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đỗ Thảo V, sinh ngày 08/ 3/ 2011 cho chị Đỗ Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Vy cho đến khi cháu trưởng T, có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Đỗ Thảo V theo phương thức cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng, số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 700.000 đồng, kể từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu V trưởng thành, có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu Thi hành án (THA) cho đến khi anh H thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh H không chịu thi hành, thì hàng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải THA theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị T phải chịu theo quy định là 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm (LHST), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0007219 ngày 01/ 3/ 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, chị T đã nộp đủ án phí LHST.

Bị đơn anh Phạm Thái H phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
THẨM

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐỖ THỊ LÀNH

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CTPT

ĐỖ THỊ LÀNH

